

ký giả, xe hết niên hạn sử dụng, xe không ghi rõ số ghế.

+ Xếp hàng hóa trong xe, chở hàng hóa công kênh trên nóc xe.

+ Không chịu bán vé cho khách trước khi rời bến.

- Chỉ đạo các bến xe thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của bến xe quy định tại Quyết định số 4128/2001/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

- Thường xuyên kiểm tra các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện lịch trình chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến phê duyệt, việc bố trí đủ lái xe để đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo Luật Giao thông đường bộ và xử lý các doanh nghiệp, các lái xe khi báo chí phản ánh tố cáo và đã xác định có sai phạm.

Bộ Giao thông vận tải đề nghị Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lực lượng công an, các lực lượng kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hàng hóa, hành lý, không để các lái xe, chủ xe, khách đi xe chở, mang hàng nguy hiểm, hàng dễ cháy nổ trên xe khách; có các biện pháp bảo đảm trật tự an ninh trên xe khách; xử phạt nghiêm những hành vi vi phạm và nếu cần truy tố trước pháp luật theo quy định những kẻ cố tình vi phạm gây hậu quả.

Yêu cầu Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trong ngành giao thông vận tải có liên quan thực hiện nghiêm Chỉ thị này, hàng tháng có báo cáo kết quả về Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

ĐÀO ĐÌNH BÌNH

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

THÔNG TƯ số 11/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/5/2003 hướng dẫn sửa
đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/
TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của
Bộ Lao động - Thương binh và
Xã hội về thực hiện một số điều
của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP
ngày 11/4/2002 của Chính phủ về
chính sách đối với lao động dôi
dư do sắp xếp lại doanh nghiệp
nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 41/2002/NĐ-CP), Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương (sau đây viết tắt là Nghị định số 03/2003/NĐ-CP), Công văn số 328/CP-ĐMDN ngày 21/3/2003 của Chính phủ về việc áp dụng Nghị định số 41/2002/NĐ-CP đối với doanh nghiệp thực hiện giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động, sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục I như sau:

“2. Các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp cơ cấu lại theo quy định tại điểm 1 nêu trên (kể

cả đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp hạch toán độc lập khi chuyển thành công ty cổ phần) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận phương án sắp xếp lại lao động do cơ cấu lại trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP) đến hết ngày 31/12/2005. Đối với các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản thì lấy ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc ngày tuyên bố phá sản doanh nghiệp có hiệu lực thi hành nhưng phải trong thời gian từ ngày 26 tháng 4 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 Mục I như sau:

“3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp là cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất; quyết định chuyển đổi và đa dạng hóa sở hữu, quản lý, được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản không duyệt phương án cơ cấu lại mà căn cứ quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc tuyên bố phá sản doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng) do Hội đồng quản trị công ty quyết định phương án cơ cấu lại theo Điều lệ của công ty và có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan xác nhận là Bộ, ngành đối với doanh nghiệp Bộ, ngành Trung ương quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp địa phương quản lý;

Hội đồng quản trị Tổng công ty 91 đối với doanh nghiệp do Tổng công ty quản lý”.

3. Bổ sung điểm 6 vào Mục I như sau:

“6. Thời điểm tuyển dụng đối với người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

- Đối với người lao động làm việc liên tục trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính từ ngày bắt đầu làm việc trong khu vực nhà nước.

- Trường hợp người lao động có thời gian không làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính là thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng làm việc liên tục trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A có quá trình làm việc như sau:

- Giai đoạn 1: Ngày 20/6/1976 được tuyển dụng vào làm việc (lần đầu tiên) trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày 20/6/1992.

- Giai đoạn 2: Ngày 01/7/1992 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và làm việc liên tục đến ngày 15/9/1995.

- Giai đoạn 3: Ngày 25/10/1995 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày doanh nghiệp này thực hiện cơ cấu lại và có quyết định nghỉ việc.

Như vậy, thời điểm tuyển dụng vào khu vực nhà nước của Bà Nguyễn Thị A được tính thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng là ngày 25/10/1995”.

4. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 1 Mục II như sau:

“a) Người lao động đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên được nghỉ hưu, không phải trừ phần trăm

lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

a1) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi. Trường hợp có tháng lẻ được tính trợ cấp như sau:

+ Nếu đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có);

+ Nếu trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

a2) Trợ cấp 05 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

a3) Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có). Trường hợp có tháng lẻ được tính theo nguyên tắc trên 6 tháng được tính là một năm, đủ 6 tháng trở xuống không được tính.

Thời gian để tính các khoản trợ cấp hưởng thêm theo quy định tại a2, a3 tiết a điểm 1 Mục này được căn cứ vào thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc trong khu vực nhà nước được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội) theo quy định của pháp luật và được tính đến ngày có quyết định nghỉ việc.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP là tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công

chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang. Trường hợp người lao động chưa chuyển xếp lương thì thực hiện chuyển xếp lương theo quy định tại các Nghị định nêu trên.

Các khoản phụ cấp được tính (nếu có) bao gồm: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng, tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các khoản trợ cấp cho đối tượng quy định tại tiết a điểm 1 Mục này là mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định (hiện nay là 290.000 đồng/tháng).

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A công nhân sửa chữa ô tô, tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 56 tuổi 4 tháng; có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 25 năm 8 tháng; hệ số lương cấp bậc đang hưởng 2,84 (bậc 6, nhóm mức lương II, thuộc thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử - tin học); phụ cấp khu vực 0,5; tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng. Ông A được hưởng chế độ như sau:

+ Tỷ lệ lương hưu được tính:

- 15 năm đầu tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 26 là 11 năm (25 năm 8 tháng được tính là 26 năm theo quy định tại Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003.

(11 năm x 2% = 22%);

- Tỷ lệ % lương hưu là: 45% + 22% = 67%.

+ Tiền trợ cấp do về hưu trước tuổi:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương 1 tháng:
290.000 đồng x (2,84 + 0,5) = 968.600 đồng.

- Số tháng lương được hưởng chế độ trợ cấp:

Nghỉ hưu trước tuổi 3 năm 8 tháng:

$(3 \text{ năm} \times 3 \text{ tháng/năm} + 2 \text{ tháng}) = 11 \text{ tháng.}$

Có 20 năm đầu công tác có đóng
bảo hiểm xã hội = 5 tháng.

Từ năm thứ 21 trở đi có đóng bảo
hiểm xã hội = 3 tháng.

$(5 \text{ năm} \times 8 \text{ tháng tính thành } 6 \text{ năm} \times 1/2)$

Cộng = 19 tháng.

- Số tiền được nhận trợ cấp: 18.403.400 đồng

$(968.600 \text{ đồng/tháng} \times 19 \text{ tháng})$.

5. Sửa đổi, bổ sung tiết c điểm 1 Mục II như sau:

"c) Người lao động dôi dư không thuộc đối tượng quy định tại tiết a và tiết b điểm 1 nêu trên, thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và hưởng chế độ như sau:

c1) Trợ cấp mất việc làm được tính theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền lương, phụ cấp lương đang hưởng.

c2) Được trợ cấp thêm 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước và được trợ cấp một lần với mức 5 (năm) triệu đồng.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, bao gồm:

Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là trong khu vực nhà nước);

Mọi thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (thời gian đào tạo, công tác, nghỉ ốm đau, thai sản...);

Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật;

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp;

Thời gian được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước được (cộng dồn) và tính từ thời điểm bắt đầu làm việc lần đầu tiên đến thời điểm có quyết định nghỉ việc. Trong tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước phải trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, chế độ xuất ngũ hoặc phục viên.

Nếu thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước có tháng lẻ được quy định như sau:

+ Dưới 1 tháng không được tính;

+ Từ đủ 1 tháng đến dưới 7 tháng được tính bằng 6 tháng thực tế làm việc

+ Từ đủ 7 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 1 năm thực tế làm việc.

c3) Trợ cấp một lần đi tìm việc làm là 6 (sáu) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng. Nếu có nhu cầu học nghề thì được học nghề miễn phí tối đa là 6 tháng. Cơ sở học nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định.

Ngoài các chế độ quy định tại c1, c2, c3 tiết c điểm 1 Mục này, người lao động còn được hưởng

chế độ chờ nghỉ hưu; bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội; hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định hiện hành.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 4 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được áp dụng theo quy định tại tiết a điểm 1 Mục II của Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ tính chế độ đối với các đối tượng nêu tại tiết c điểm 1 và điểm 2 Mục II Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH, được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương, quy định cụ thể như sau:

- Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc trước ngày 01/01/2003, được tính theo mức lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc từ ngày 01/01/2003 trở đi được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng; trợ cấp đi tìm việc làm, 70% tiền lương cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng.

Trường hợp có tháng lẻ được tính theo quy định tại tiết c điểm 1 Mục II Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung cho từng giai đoạn.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn D công nhân sửa chữa đầu tàu hỏa và toa xe, tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 54 tuổi; có thời gian

thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 30 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 1 năm 2 tháng); có hệ số lương 3,05 (bậc 6 nhóm mức lương III, thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử, tin học). Ông D được hưởng chế độ như sau:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003.

$$210.000 \text{ đồng} \times 3,05 = 640.500 \text{ đồng}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003

$$290.000 \text{ đồng} \times 3,05 = 884.500 \text{ đồng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là 29 năm 5 tháng, tính quy đổi tháng lẻ là 29 năm 6 tháng thực tế làm việc.

$$640.500 \text{ đ/tháng} \times 29,5 \text{ tháng} = 18.894.750 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là 1 năm 2 tháng, tính quy đổi tháng lẻ là 1 năm 6 tháng thực tế làm việc.

$$884.500 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.326.750 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 20.221.500 đồng

$$(18.894.750 \text{ đồng} + 1.326.750 \text{ đồng})$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003.

$$640.500 \text{ đ/tháng} \times 29,5 \text{ tháng} = 18.894.750 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$$884.500 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.326.750 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc: 20.221.500 đồng (18.894.750 đồng + 1.326.750 đồng)

- Tiền trợ cấp một lần: 5.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp đi tìm việc làm:
884.500 đ/tháng x 6 tháng = 5.307.000 đồng

Tổng số tiền được nhận: 50.750.000 đồng
(20.221.500 đ + 20.221.500 đ + 5.000.000 đ + 5.307.000 đ).

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn E công nhân xây dựng đường giao thông tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 54 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 27 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 2 năm 3 tháng); có hệ số lương 3,45 (bậc 7, nhóm mức lương II, thang lương A.6 xây dựng cơ bản). Ông E đã hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm là 15 năm. Ông E được hưởng chế độ như sau:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003

$$210.000 \text{ đồng} \times 3,45 = 724.500 \text{ đồng}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003

$$290.000 \text{ đồng} \times 3,45 = 1.000.500 \text{ đồng}$$

- Thời gian thực tế làm việc được hưởng chế độ trợ cấp:

$$27 \text{ năm } 7 \text{ tháng} - 15 \text{ năm} = 12 \text{ năm } 7 \text{ tháng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003.

$$724.500 \text{ đồng/tháng} \times 10,5 \text{ tháng} = 7.607.250 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003.

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 2,5 \text{ tháng} = 2.501.250 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 10.108.500 đồng

$$(7.607.250 \text{ đồng} + 2.501.250 \text{ đồng})$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003

$$724.500 \text{ đồng/tháng} \times 10,5 \text{ tháng} = 7.607.250 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 2,5 \text{ tháng} = 2.501.250 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp thêm theo thời gian thực tế làm việc: 10.108.500 đồng (7.607.250 đồng + 2.501.250 đồng).

- Tiền trợ cấp một lần là: 5.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp đi tìm việc làm là:

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} = 6.003.000 \text{ đồng}$$

- Tổng số tiền được nhận: 31.220.000 đồng

$$(10.108.500 \text{ đ} + 10.108.500 \text{ đ} + 5.000.000 \text{ đ} + 6.003.000 \text{ đ}).$$

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

c4) Người lao động còn thiếu tối đa 05 năm tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động (nam đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi, nữ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi) và đã đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, nay quy định cụ thể như sau:

+ Được hưởng chính sách theo quy định tại c1 c2 tiết c điểm 1 Mục II của Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung.

+ Được đóng tiếp bảo hiểm xã hội hàng tháng với mức 15% tiền lương cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định (60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ) thì hưởng lương hưu hàng tháng theo quy định hiện hành.

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trước thời điểm nghỉ việc, bao gồm: Tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, hệ số chênh lệch bảo lưu lương được tính theo mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm nộp bảo hiểm xã hội.

+ Thời gian đóng tiếp bảo hiểm xã hội kể từ ngày có quyết định nghỉ việc.

+ Hồ sơ, thủ tục đóng tiếp bảo hiểm xã hội thực hiện theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

+ Trong thời gian tự đóng tiếp bảo hiểm xã hội, nếu người lao động bị chết thì thân nhân được hưởng chế độ tử tuất theo quy định hiện hành.

Ví dụ 6: Ông Nguyễn Văn F công nhân xây lắp cầu tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 57 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước 17 năm 6 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 6 tháng); có hệ số lương 3,05 (bậc 6, nhóm mức lương III A.6 xây dựng cơ bản); phụ cấp khu vực 0,4. Ông F thuộc đối tượng đóng tiếp bảo hiểm xã hội cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (đủ 60 tuổi) được giải quyết chế độ như sau:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003

$$210.000 \text{ đồng} \times (3,05 + 0,4) = 724.500 \text{ đồng}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003

$$290.000 \text{ đồng} \times (3,05 + 0,4) = 1.000.500 \text{ đồng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003

$$724.500 \text{ đồng/tháng} \times 17 \text{ tháng} = 12.316.500 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp mất việc làm theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 0,5 \text{ tháng} = 500.250 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 12.816.750 đồng

$$(12.316.500 \text{ đồng} + 500.250 \text{ đồng})$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003

$$724.500 \text{ đồng/tháng} \times 17 \text{ tháng} = 12.316.500 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 0,5 \text{ tháng} = 500.250 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế:

$$12.816.750 \text{ đồng} (12.316.500 \text{ đồng} + 500.250 \text{ đồng})$$

- Tiền trợ cấp một lần là: 5.000.000 đồng

- Tổng số tiền được nhận là: 30.633.500 đồng
(12.816.750 đồng + 12.816.750 đồng + 5.000.000 đồng)

- Ông F phải đóng tiếp bảo hiểm xã hội 3 năm (36 tháng); mức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng:

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 15\% = 150.075 \text{ đồng}$$

6. Sửa đổi, bổ sung bước 2 tiết b điểm 1 Mục IV như sau:

“Bước 2. Xác định số lao động cần sử dụng và lao động dôi dư như sau:

- Đối với doanh nghiệp giữ 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: xác định số lao động cần sử dụng trên cơ sở phương án sản xuất - kinh doanh, công nghệ sản xuất sản phẩm, máy móc thiết bị, định mức lao động theo hướng doanh nghiệp phát triển và có lãi, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê

duyệt; số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện bán, khoán kinh doanh và cho thuê doanh nghiệp thì số lao động cần sử dụng là số lao động theo thỏa thuận giữa hai bên (bán và mua, khoán và nhận khoán, cho thuê và thuê) được ghi trong hợp đồng bán, khoán hoặc cho thuê doanh nghiệp; số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 đến hết ngày 31/12/2005 thì số lao động cần sử dụng căn cứ vào phương án cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, khi thực hiện cơ cấu lại nếu có người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang không bố trí được việc làm thì được xác định là lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì số lao động cần sử dụng căn cứ vào phương án sáp nhập, hợp nhất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện hình thức giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động thì số lao động cần sử dụng là số lao động hiện có của doanh nghiệp, trừ những người tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động và được Ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc nếu không có Ban chấp hành công đoàn lâm thời thì người được Đại hội công nhân viên chức bầu làm đại diện xác định số lao động không có nhu cầu sử dụng.

Số lao động không có nhu cầu sử dụng đã xác định tại bước 2 nêu trên được phân làm 2 loại: Số

lao động được tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 là lao động dôi dư được thực hiện chế độ theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP; số lao động tuyển dụng từ ngày 21/4/1998, được thực hiện chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động;

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện giải thể, phá sản thì toàn bộ số lao động trong danh sách của doanh nghiệp được tuyển dụng trước ngày 26/4/2002 được thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP. Số lao động tuyển dụng từ ngày 26/4/2002 được giải quyết chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động”.

7. Sửa đổi, bổ sung c1 tiết c điểm 1 Mục IV như sau:

“c1) Ký quyết định cho từng người lao động dôi dư nghỉ việc theo các nhóm chính sách đã được quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP và được thống nhất một thời điểm theo mẫu số 6 kèm theo Thông tư này; Quyết định ít nhất là 3 bản: 1 bản gửi cho người lao động, 1 bản lưu tại doanh nghiệp, 1 bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội”.

8. Sửa đổi, bổ sung tiết d điểm 1 Mục IV như sau:

- “d) Giải quyết chế độ đối với người lao động.
- Trách nhiệm của doanh nghiệp.
 - + Căn cứ quyết định nghỉ việc, giải quyết đầy đủ và đúng thời hạn quy định các khoản trợ cấp đối với người lao động dôi dư;
 - + Cấp phiếu học nghề miễn phí một lần cho người lao động có nhu cầu học nghề (mẫu số 12 kèm theo Thông tư này).
 - + Làm đầy đủ hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
 - + Ghi rõ lý do nghỉ việc và các quyền lợi đã giải quyết vào sổ lao động và trả lại đầy đủ hồ sơ cho người lao động theo quy định của pháp luật;
 - + Trong thời hạn 7 ngày (ngày làm việc) kể từ

ngày nhận được kinh phí từ Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư, doanh nghiệp có trách nhiệm trả trực tiếp, một lần tại doanh nghiệp cho người lao động các khoản trợ cấp theo phương án đã được phê duyệt.

Trường hợp người lao động không thể trực tiếp đến nhận các khoản trợ cấp thì được ủy quyền cho người khác nhận khoản trợ cấp này theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

Trường hợp người lao động bị chết sau thời điểm ký quyết định nghỉ việc (thời điểm có hiệu lực thi hành) mà chưa ký nhận số tiền được hưởng thì doanh nghiệp chuyển số tiền này cho người quản lý di sản của người chết theo quy định của Bộ Luật Dân sự".

9. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 2 Mục IV như sau:

"a) Người lao động dôi dư có nhu cầu học nghề đã được cấp phiếu học nghề miễn phí thì phải nộp hồ sơ học nghề tại cơ sở dạy nghề đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định. Thời hạn nộp hồ sơ học nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định nghỉ việc".

10. Sửa đổi, bổ sung mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 như sau:

- Mẫu số 1 bổ sung một cột: "ngày, tháng, năm bắt đầu làm việc trong khu vực nhà nước) trước cột số 6; bổ sung nội dung cột 2: Được tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 hoặc 26/4/2002 đối với doanh nghiệp giải thể, phá sản; hướng dẫn ghi mẫu bổ sung nội dung: Thời điểm sắp xếp ở các mẫu được ghi ngày..... tháng..... năm.... doanh nghiệp tiến hành xây dựng phương án sắp xếp lại lao động do cơ cấu lại".

- Mẫu số 2 phần hướng dẫn ghi biểu bổ nội dung: "Tại thời điểm sắp xếp được ghi ngày trình hồ sơ phê duyệt phương án cơ cấu lại".

- Mẫu số 3 bổ sung hai cột sau cột 5: "Một cột

ghi tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01/01/2003; Một cột ghi tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước từ ngày 01/01/2003".

- Mẫu số 4 bổ sung nội dung: "hoặc xác nhận đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng".

- Mẫu số 5 bổ sung: "ngày, tháng, năm phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

- Mẫu số 6 sửa đổi, bổ sung Điều 1: "- Thời điểm tính chế độ tính đến ngày.....tháng.....năm.... (lấy theo ngày ký quyết định nghỉ việc; bổ sung vào Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các Ông (Bà) trưởng.... Tổ chức, kế toán tài vụ và Ông (Bà).....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./".

- Mẫu 7,8,9,10 tên biểu được sửa đổi, bổ sung cụm từ "tại thời điểm có quyết định nghỉ việc ngày..... tháng..... năm..... 200.....".

- Mẫu số 9: Sửa đổi, bổ sung cột 6: "Cột 6 được ghi số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước sau khi đã quy đổi tháng lẻ và được chia làm hai cột. Một cột tính trước ngày 01/01/2003; một cột tính từ ngày 01/01/2003 trở đi".

- Mẫu số 10: sửa đổi, bổ sung cột 6 như cột số 6 của mẫu 9.

11. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành và địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

Mẫu số 1: Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ TÊN TRONG DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp

TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào khu vực nhà nước (ngày, tháng, năm)	Thời điểm nghỉ việc (ngày, tháng, năm)	Hệ số lương đang hưởng	Nơi ở hiện nay
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Được tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 hoặc ngày 26/4/2002							
1	Vũ Thị A	C.N tiện, bậc thợ 6/7	T.C kỹ thuật, ngành tiện	A	20/3/1973	02/5/1995	2,84	
II	Được tuyển dụng từ ngày 21/4/1998 hoặc ngày 26/4/2002							
2	Đình Thị A	kế toán viên, bậc 2/8	ĐH kinh tế, ngành kế toán	B	01/02/1975	03/8/1998	2,02	

Ngày.....tháng.....năm 200....

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: ghi mẫu số 1:

Thời điểm sắp xếp ở các mẫu được ghi ngày.....tháng.....năm.....doanh nghiệp tiến hành xây dựng phương án sắp xếp lao động do cơ cấu lại.

Cột 2: Đối với doanh nghiệp sắp xếp lại thì ghi ngày 21/4/1998; đối với doanh nghiệp giải thể, phá sản ghi 26/4/2002.

Cột 4: Nếu là viên chức thì ghi trình độ đào tạo và ngành chuyên môn, nếu là công nhân thì ghi nghề và bậc thợ.

Cột 5: Nếu thuộc loại hợp đồng lao động (viết tắt là HDLD) không xác định thời hạn được ghi ký hiệu (A); xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm được ghi ký hiệu (B), dưới 1 năm hoặc bằng miệng được ghi ký hiệu (C); tuyển dụng theo chế độ biên chế Nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động được ghi ký hiệu (L).

Cột 6: Ghi ngày, tháng, năm bắt đầu tham gia vào khu vực nhà nước.

Cột 7: Ghi ngày.....tháng.....năm.....nghỉ việc cho các đối tượng đang nghỉ việc nhưng chưa chấm dứt quan hệ lao động theo quy định của pháp luật.

Cột 8: Ghi tổng hệ số lương bao gồm cả phụ cấp chức vụ và phụ cấp khu vực (nếu có).

Cột 9: Ghi cụ thể địa chỉ từ số nhà trở lên, điện thoại (nếu có).

Mẫu số 2: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên doanh nghiệp

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CẦN SỬ DỤNG THEO YÊU CẦU SẢN XUẤT
KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....**

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Dự kiến bố trí chỗ làm việc sau khi sắp xếp lại lao động	Thời gian đã đóng BHXH (Năm, tháng)
			Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7
01						
02						
03						

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 2:

Cột 3: Được lấy số thứ tự ở mẫu số 1,

Cột 7: Được ghi năm, tháng đã đóng bảo hiểm xã hội (ví dụ: đã đóng 22 năm 4 tháng, được ghi 22,4).

Mẫu số 3: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên doanh nghiệp

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG
TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....**

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu 1	Ngày, tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01/01/2003 (năm)	Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước từ ngày 01/01/2003 (năm)	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đối tượng thực hiện theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP							
1								
2								
II	Đối tượng thực hiện theo Bộ Luật Lao động							
1								
2								

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 3

Cột 6 và 7: Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng chỉ tính đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mẫu số 4: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên doanh nghiệp:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /

V/v đề nghị phê duyệt phương

án sắp xếp lao động do cơ cấu

lại doanh nghiệp

....., ngày.....tháng..... năm 200.....

Kính gửi:

.....

Thực hiện Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đã được sửa đổi, bổ sung về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định nêu trên, (tên doanh nghiệp) đề nghị (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền) xem xét phê duyệt hoặc xác nhận (đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng) phương án sắp xếp lao động do cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

(có hồ sơ kèm theo mẫu số 1, 2, 3, 5)/.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu phòng Tổ chức.

Mẫu số 5: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tên doanh nghiệp

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG DO CƠ CẤU LẠI DOANH NGHIỆP

1. Những đặc điểm chủ yếu:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Thành lập ngày.....tháng năm
- Địa chỉ:.....
- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính:
- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Hình thức sắp xếp lại: (ví dụ: chuyển thành công ty cổ phần).

2. Phương án sắp xếp lao động:

a) Phân loại lao động trước khi sắp xếp.

- Tổng số lao động (sau đây viết tắt LĐ) có tên trong doanh nghiệp:.....người, trong đó nữ.....người.

Chia ra:

- + Số LĐ ký hợp đồng LĐ (sau đây viết tắt HĐLĐ) không xác định thời hạn người.
- + Số LĐ ký HĐLĐ có thời hạn từ 1 đến 3 năm..... người.
- + Số LĐ ký HĐLĐ mùa vụ, theo công việc < 1 năm người.
- + Số LĐ chưa thực hiện ký kết HĐLĐ người.

b) Phân loại lao động tại thời điểm sắp xếp lại:

- Số LĐ cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất - kinh doanh.....người, trong đó nữ người.
- Số LĐ nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động người.
- Số LĐ hết thời hạn ký kết HĐLĐ người.
- Số LĐ dôi dư.....người, trong đó nữ..... người.

Chia ra:

- + Số LĐ thực hiện theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP người.
- + Số LĐ thực hiện theo Bộ Luật Lao động..... người.

Ngày..... tháng.....năm 200.....

Người lập biểu
(Ký tên)

**Phê duyệt của cơ quan
nhà nước có thẩm quyền**
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 6: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: QĐ-.....

....., ngày.....tháng năm 200.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC.....

**V/v giải quyết nghỉ việc hưởng chính sách đối với lao động
dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước**

GIÁM ĐỐC

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 5 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số.....của cơ quan có thẩm quyền quyết định về chức năng, quyền hạn, bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

Theo đề nghị của trưởng.....tổ chức lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông (Bà)sinh ngày.....tháng.....năm.....

- Quê quán:
- Nơi ở hiện nay:
- Nơi ở khi về nghỉ:
- Nghề, chuyên môn đào tạo:
- Chức danh công việc đang làm:
- Nghỉ việc được hưởng chế độ (ví dụ: nghỉ hưu trước tuổi) theo chính sách giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.
- Thời điểm tính chế độ tính đến ngày.....tháng.....năm.....(lấy theo ngày ký quyết định nghỉ việc).
- Thời gian làm việc trong khu vực nhà nước.....năm.....tháng.
- Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.....năm.....tháng.
- Hệ số tiền lương đang hưởng.....hệ số, phụ cấp lương.....tổng cộng hệ số lương được hưởng.....
- Mức lương tối thiểu.....đồng.

Điều 2: Các chế độ được hưởng khi nghỉ việc (ghi cụ thể từng loại chế độ):

1. (Ví dụ: Trợ cấp 3 tháng lương cấp bậc, phụ cấp lương đang hưởng cho 1 năm nghỉ hưu trước tuổi);
2.

- Ông (Bà) thuộc số thứ tự ở biểu số..... kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002.

- Quyền lợi bảo hiểm xã hội được thực hiện theo quy định hiện hành: (ghi cụ thể hưởng từng loại chế độ (ví dụ: nghỉ việc chờ hưu, bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.....).

Điều 3: Người lao động trực tiếp lĩnh tại phòng kế toán tài vụ của doanh nghiệp.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5: Các ông (bà) TrưởngTổ chức, Kế toán tài vụ và ông (bà).....chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5,
- Lưu VP, hồ sơ đương sự.

GIÁM ĐỐC.....

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 7: Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được sửa đổi, bổ sung.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

Tên doanh nghiệp

CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC

NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Thời điểm tuyển dụng vào KVNN (ngày, tháng, năm)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Số năm về hưu trước tuổi	Chế độ được hưởng			Tổng cộng tiền được hưởng (đồng)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ				Chức vụ	Khu vực			Trợ cấp tính theo thời gian nghỉ hưu trước tuổi (đồng)	Trợ cấp do có 20 năm đầu đóng BHXH (đồng)	Trợ cấp từ năm thứ 21 trở đi có đóng BHXH (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng cộng:																

Ngày.....tháng.....năm 200....

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 7:

Cột 6 = Ghi cả số tháng lẻ; ví dụ: 21 năm 3 tháng (21,3)

Cột 11 = Cột 8 + cột 9 + cột 10

Cột 12 = Tuổi nghỉ hưu theo quy định (nam 60; nữ 55) - số tuổi tại thời điểm nghỉ việc

Cột 13 = $\{((\text{Cột 12 tính tròn năm} \times 3) + (\text{số tháng chế độ đã quy đổi cho số tháng lẻ ở cột 12})) \times (\text{cột 11} \times \text{mức lương tối thiểu})\}$

Cột 14 = (Cột 11 x mức lương tối thiểu) x 5

Cột 15 = $\{(\text{Cột 6} - 20 \text{ năm}) \times 1/2\} \times (\text{cột 11} \times \text{mức lương tối thiểu})\}$

Cột 16 = Cộng các cột 13 + 14 + 15.

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

Tên doanh nghiệp

NHƯNG CÒN THIẾU THỜI GIAN ĐÓNG BHXH TỐI ĐA LÀ 1 NĂM TẠI THỜI ĐIỂM

CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Tháng năm tham gia công tác	Thời gian đã đóng BHXH	Số tháng còn thiếu chưa đóng BHXH	Hệ số lương để đóng BHXH	Tổng số tiền đóng BHXH	Xếp loại lao động theo nghề, công việc	Nơi ở khi về nghỉ hưu
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I 01 ...	Đối tượng 1										
	Cộng 1:										
II 01 ...	Đối tượng 2										
	Cộng 2:										
III 01 ...	Đối tượng 3										
	Cộng 3:										
IV 01 ...	Đối tượng 4										
	Cộng 4:										
	Tổng cộng:										

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Xác nhận của cơ quan BHXH
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thẩm định của cơ quan
nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 8:

- * Cột 2: - Đối tượng 1: được lập danh sách người lao động đủ tuổi nghỉ hưu nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi có thời gian đóng BHXH đủ 14 năm đến dưới 15 năm.
- Đối tượng 2: được lập danh sách người lao động nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi có đủ 15 năm làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực 0,7 trở lên, hoặc đủ 10 năm công tác thực tế ở chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975, chiến trường K trước ngày 31/8/1981 có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm.
- Đối tượng 3: được lập danh sách người lao động đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.
- Đối tượng 4: được lập danh sách người lao động có ít nhất 15 năm làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại đã đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên không phụ thuộc vào tuổi đời.
- * Cột 9: Hệ số lương đang hưởng tại thời điểm nghỉ việc (kể cả phụ cấp chức vụ, khu vực, hệ số bảo lưu lương nếu có).
- * Cột 10: (Lấy 15% x [cột 8 x (cột 9 x mức lương tối thiểu hiện hành)]).

Tên cơ quan nhà nước
có thẩm quyền

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG KHÔNG XÁC ĐỊNH
THỜI HẠN HƯỞNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI
THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....**

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được	Chế độ được hưởng			Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Có nguyện vọng đi đào tạo (X)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ	Trước ngày 1/1/2003	Từ ngày 1/1/2003		Chức vụ	Khu vực		Theo thâm niên làm việc	Trợ cấp 5 triệu đồng (đồng)	Trợ cấp đi tìm việc làm (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
3																
Tổng cộng:																

Phân tích nguồn:

Tổng kinh phí chi trả:đồng; chia ra:

- Trách nhiệm của Quỹ lao động dôi dư cấp.....đồng.
- Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ.....đồng.
- Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có).....đồng.

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 9:

Cột 11 = Cộng các cột 8 + 9 + 10

Cột 12 = ((Cột 11 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi x 2) + (cột 11 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi x 2))

Cột 13 = Được ghi 5.000.000 đ

Cột 14 = ((Cột 11 x mức lương tối thiểu 290.000) x 6); nếu thuộc đối tượng đóng tiếp BHXH tại nơi cư trú được ghi ký hiệu (K)

Cột 15 = Cộng các cột 12 + 13 + 14

Cột 16 = Có nguyện vọng đi đào tạo thì ghi ký hiệu (X).

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG XÁC ĐỊNH
 Tên doanh nghiệp THỜI HẠN TỪ 1 ĐẾN 3 NĂM HƯỞNG TRỢ CẤP MẮT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ
 CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC NGÀY..... THÁNG NĂM 200.....

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Thời gian HĐLĐ còn lại chưa thực hiện (tháng)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Chế độ được hưởng		Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ	Trước ngày 1/1/2003 (năm)	Từ ngày 1/1/2003 (năm)			Chức vụ	Khu vực		Trợ cấp theo thâm niên làm việc (đồng)	70% tiền lương (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															
2															
3															
Tổng cộng:															

Phân tích nguồn:

Tổng kinh phí chi trả:đồng.

Trong đó: - Trách nhiệm của Quỹ lao động dôi dưđồng.

- Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ.....đồng.

- Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có).....đồng.

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm 200....
 Thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200....
 Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 10:

Cột 12 = Cộng các cột 9 + 10 + 11

Cột 13 = (Cột 12 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi) + (cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi)

Cột 14 = (Cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x 70% x cột 8 tối đa 12 tháng)

Cột 15 = Cộng các cột 13 + 14.